

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08/8/2018

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*” .

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, TP CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phương Văn Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Ân.

2. Bà Ngô Thị Út Hậu.

Thư ký phiên toà: Bà Hồ Thị Thu Hiền- Thư ký Tòa án nhân dân Quận Ô Môn, TP Cần Thơ.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/7/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Ngọc L**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: AA Khu vực BP, phường PT, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Anh **Đỗ Thanh T**, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực TĐ, Phường PT, Quận Ô Môn, TP Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc L trình bày: Chị và anh Đỗ Thanh T là vợ chồng sống chung vào năm 2016. Cuộc hôn nhân do tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý đứng ra tổ chức

lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PT, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống có 01 người con tên Đỗ Ngọc Quỳnh A, sinh ngày: 04/4/2017.

Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng đến cuối năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm về cuộc sống, giữa vợ chồng thường bất hòa về tình cảm anh T không quan tâm gia đình, thường hay cờ bạc chích hút nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Vì thương con chị cố nhin mong anh T thay đổi để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc nhưng không kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên chị bỗng con về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân từ đó đến nay.

Xét thấy cuộc hôn nhân không đạt, kéo dài không thể có hạnh phúc nên chị khởi kiện xin ly hôn với anh T

- *Về con chung*: Đỗ Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 04/4/2017 hiện chị L đang nuôi, khi ly hôn chị L xin được tiếp tục nuôi con đến trưởng thành, yêu cầu Anh Đỗ Thanh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi con tròn 18 tuổi.

Tài sản chung: Không có không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có không đặt ra xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đối với bị đơn anh Đỗ Thanh T để tham gia phiên họp vào các ngày 13/6/2018 và 25/6/2018 nhưng anh T đều vắng mặt không lý do nên vụ án không tiến hành việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T, yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.
- Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Phạm Thị Ngọc L và anh Đỗ Thanh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định nên xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị L và anh T phát sinh mâu thuẫn và chị L có đơn khởi kiện ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Đỗ Thanh T được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đương sự đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xét thấy chị L và anh T sau khi kết hôn chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, do không tin tưởng lẫn nhau, tạo nên sự bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xô xát. Do đó, Tòa án cũng đã triệu tập các đương sự hòa giải nhiều lần nhằm để động viên hàn gắn tình cảm, tìm cách xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng phía anh T vắng mặt không lý do điều đó cho thấy bị đơn đã không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn giữa vợ chồng các đương sự đã thực sự trầm trọng và cho đến nay không có biện pháp khắc phục, mục đích hôn nhân cũng không đạt được.

Hơn nữa, trong suốt thời gian ly thân phía anh T không đến động viên, an ủi hay có động thái gì nhằm hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh T thật sự trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài cho nên yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh T là có cơ sở.

- *Về con chung*: Đỗ Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 04/4/2017 hiện nay cháu Quỳnh A đang sống với chị L, khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Quỳnh A đến trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Quỳnh A chưa đến 36 tháng tuổi nên việc giao cháu Quỳnh A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Song, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con là người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh T thực hiện quyền này.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị L Hội đồng xét xử thấy rằng người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, cần phải buộc anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 695.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Theo chị L trình bày không có. Hơn nữa, tại phiên Tòa hôm nay vắng mặt anh T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị L chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, 53, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị Ngọc L được ly hôn với anh Đỗ Thanh T.

- *Về con chung*: Giao cháu Đỗ Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 04/4/2017 cho chị L trực tiếp nuôi con đến trưởng thành.

Anh Đỗ Thanh Tcấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 695.000 đồng (sáu trăm chín mươi lăm ngàn đồng) đồng đến khi cháu Quỳnh A đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Đỗ Thanh Tkhông ai được quyền cản trở.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: không đặt ra xem xét, giải quyết

Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

- *Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Chuyển tiền tạm ứng án phí chị Phạm Thị Ngọc L đã nộp theo biên lai thu số 001945 ngày 25/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn thành tiền án phí (công nhân chị L đã nộp xong).

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA